

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST
Ngày 28-9-2022
V/v tranh chấp đòi lại giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy;

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V; nơi cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn L1; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Lê Văn C; nơi cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2/ Anh Lê Văn L2; nơi cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Cháu Lê Quang Q, sinh ngày 25/12/2005; nơi cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Quang Q: Bà Nguyễn Thị V (bà V là mẹ đẻ của cháu Q); nơi cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4/ Ông Nguyen David T1; nơi cư trú: 14692 đường E, thành phố T, tiểu bang C, Hoa Kỳ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen David T1: Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1974; cư trú tại: Tổ dân phố 17, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2022); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Khoảng đầu năm 2000, vợ chồng bà (chồng Lê Văn T3) có nhận chuyển nhượng diện tích 63m² thuộc thửa số 7b, tờ bản đồ số 71, tại tổ 19 - khu 4 (nay là số 241) đường Núi Ngọc, tổ dân phố số 18, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải. Ngày 19/12/2007, UBND huyện Cát Hải đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là CNQSDĐ) số AD 387066 mang tên ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị V.

Sau khi ông T3 chết (năm 2012), gia đình bà phát hiện đã bị mất một số giấy tờ quan trọng, trong đó có bản chính Giấy CNQSDĐ nêu trên. Vì vậy, ngày 27/9/2019, bà đã làm đơn đề nghị gửi UBND thị trấn Cát Bà báo việc mất Giấy CNQSDĐ.

Bà cho biết, ngày 17/10/2019, ông L1 đã xác nhận: “*Trước khi ông T1 và bà T4 bay về Mỹ có gửi lại Giấy CNQSDĐ số AD 387066 (bản chính) cho ông giữ hộ và xuất trình một Giấy ủy quyền đề ngày 25/7/2006 với nội dung: Ông T3 ủy quyền toàn bộ cho ông T1, bà T4 được sử dụng căn nhà 02 tầng, diện tích 63m², số thửa 353 (có xác nhận của UBND thị trấn Cát Bà)*”. Do đó, ông L1 khẳng định việc giữ hộ Giấy CNQSDĐ là hợp pháp và không đồng ý trả lại cho bà, dù các bên đã nhiều lần thương lượng và hòa giải.

Bà cũng đã khởi kiện vụ án hành chính đối với bị đơn là UBND thị trấn Cát Bà và được Tòa án nhân dân huyện Cát Hải ban hành Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2021/QĐST-HC ngày 26/01/2021. Theo đó, giữa bà và UBND thị trấn Cát Bà đã thống nhất thỏa thuận nội dung: UBND thị trấn Cát Bà ban hành văn bản hủy giá trị pháp lý trong việc xác nhận nội dung tại giấy Ủy quyền ngày 25/7/2006. Ngày 13/01/2021, UBND thị trấn Cát Bà cũng đã ra Thông báo số 21/TB-UBND về việc hủy giá trị pháp lý đối với nội dung xác nhận giấy ủy quyền trên.

Tuy nhiên, sau thông báo của UBND thị trấn Cát Bà và quyết định của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải; ông L1 vẫn không trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông L1 phải trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ trên.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 08/6/2022, bà giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu ông Lương Văn L1 phải trả lại cho bà Giấy CNQSDĐ số AD 387066 do UBND huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/12/2007 cho ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị V.

Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và sau ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà V có đơn kiến nghị và bổ sung yêu cầu khởi kiện: "Yêu cầu Tòa án xác minh việc ông Nguyen David T1 có làm mất Giấy CNQSDĐ của bà hay không, nếu ông Nguyen David T1 làm mất giấy thì ông Toan phải bồi thường thiệt hại cho bà các chi phí xin cấp lại Giấy CNQSDĐ".

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Lương Văn L1 trình bày:

Ông T1, bà T4 là chú dì của ông. Trước khi ông T1, bà T4 bay về Mỹ; ông bà T1, T4 có gửi cho ông 01 bản chính Giấy CNQSDĐ số AD 387066 do UBND huyện Cát Hải cấp ngày 19/12/2007 mang tên ông T3, bà V để nhờ ông giữ hộ. Khoảng cuối năm 2019, bà V có đến UBND thị trấn Cát Bà báo mất Giấy CNQSDĐ. Ông khi đó cũng đến UBND thị trấn khai báo việc ông đang giữ Giấy CNQSDĐ mà bà V đang cần tìm. Nhưng đến ngày 20/12/2021, ông đã có biên bản bàn giao lại Giấy CNQSDĐ này cho ông T1(Nguyen David T1). Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày:

- Anh Lê Văn C, Lê Văn L2 và Lê Quang Q (các con của bà V, ông T3) trình bày: Các anh đều thống nhất nội dung bà V khởi kiện và đề nghị ông L1 phải trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị V.

- Ông Nguyen David T1 (Nguyễn Văn T1) trình bày: Ông là người đang giữ bản chính Giấy CNQSDĐ số AD 387066 đối với thửa đất số 07B, tờ bản đồ số 71, diện tích 63m², địa chỉ tổ 18, khu 4, thị trấn Cát Bà mang tên chủ sử dụng đất Lê Văn T3, Nguyễn Thị V. Giấy CNQSDĐ này, ông T1 đã được ông T3, bà V giao cho ông cầm giữ từ khoảng năm 2007-2008. Lý do ông giữ bản chính là do vào khoảng năm 2008, ông T3, bà V đã vay của ông số tiền 60.000USD. Ngoài việc đưa cho ông T1 bản chính Giấy CNQSDĐ, ông T3 còn đưa cho ông 01 giấy ủy quyền với nội dung ủy quyền là cho ông T1 được toàn quyền sử dụng, quyết định đối với thửa đất và ngôi nhà trên đất theo giấy chứng nhận. Năm 2019, ông đã giao lại Giấy CNQSDĐ cho ông L1 giữ hộ để vợ chồng ông bay về Mỹ nhưng hiện tại ông L1 đã trả lại giấy chứng nhận này cho ông. Quan điểm của ông sẽ đồng ý trả lại Giấy CNQSDĐ cho bà V nhưng bà V phải thanh toán lại cho ông số tiền 60.000 USD. Ngoài ra, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đòi tiền.

Tại biên bản làm việc, chiều ngày 08/6/2022 với Tòa án, ông Nguyen David T1 trình bày: Phiên hòa giải sáng ngày 08/6/2022, ông có nêu: Hiện nay, ông đang là người quản lý và lưu giữ Giấy CNQSDĐ số AD 387066 do UBND huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/12/2007 cho anh Lê Văn T3 và chị Nguyễn Thị V. Tuy nhiên, sau phiên hòa giải, ông về kiểm tra lại các giấy tờ của cá nhân

thì không thấy Giấy CNQSDĐ nói trên và không biết Giấy CNQSDĐ mất từ khi nào, nếu ông tìm lại được thì ông sẽ thông báo ngay cho Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 14/9/2022 với Tòa án, ông Nguyễn Đình T2 được ông Nguyen David T1 (Nguyễn Văn T1) ủy quyền, trình bày: Kể ngày 08/6/2022 đến nay, ông T1 tiếp tục tìm kiếm và kiểm tra lại các giấy tờ của cá nhân thì vẫn không thấy Giấy CNQSDĐ số AD 387066 do UBND huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/12/2007 cho ông T3 và bà V đâu. Như vậy, khẳng định rằng "Giấy CNQSDĐ nêu trên đã bị mất", còn thời gian bị mất, ông T1 nhớ vào khoảng giữa tháng 5 năm 2022, khi vợ chồng ông về Việt Nam, vợ chồng ông có đến nhà bà V để ở, ở được đến đêm cùng ngày thì bà V đến mời Công an thị trấn Cát Bà đến nhà bà V để yêu cầu vợ chồng ông ra khỏi nhà, tại thời điểm này vợ chồng ông khi đến nhà bà V có mang theo 03 Vali kéo (02 vali nhỏ và 01 Vali lớn) đựng quần áo, đồ dùng cá nhân và các giấy tờ tùy thân, trong đó có Giấy CNQSDĐ nêu trên. Theo quan điểm của ông T1, Giấy CNQSDĐ nêu trên bị mất tại nhà bà V thời gian nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ sau:

Giấy ủy quyền ghi ngày 08/6/2022, ông Nguyễn Văn T1 (Nguyen David T1) ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T2 tham gia tố tụng; Biên bản làm việc ngày 08/6/2022, giữa Tòa án với ông T1 và ông T2; Biên bản làm việc ngày 08/9/2022, giữa Tòa án với nguyên đơn là bà V, bị đơn là ông L1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh C và Biên bản làm việc ngày 14/9/2022, giữa Tòa án với ông Nguyễn Đình T2.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lại các tài liệu, chứng cứ nêu trên. Sau khi công bố tài liệu, chứng cứ: Kiểm sát viên, nguyên đơn là V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh C không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Bản chính Giấy CNQSDĐ số AD 387066 mà UBND huyện Cát Hải cấp ngày 19/12/2007 mang tên ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị V được xác định là quyền khác về tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T3 và bà V.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V về việc đòi lại Giấy CNQSDĐ và buộc người chiếm giữ Giấy CNQSDĐ phải trả lại là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, đã làm rõ ông L1 đã trả lại Giấy CNQSDĐ cho ông T1, người chiếm giữ thực tế là ông T1 nhưng ông T1 hiện không còn lưu giữ, do bị mất, do vậy yêu cầu khởi kiện của bà V đòi ông L1 trả lại Giấy CNQSDĐ là không có căn cứ. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà V, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T1 phải bồi thường cho bà những chi phí cần thiết để làm các thủ tục xin cấp lại Giấy CNQSDĐ, xét thấy thời điểm bà V có yêu cầu bổ sung sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, như vậy yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện, do vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu bổ sung này. Do Giấy CNQSDĐ đã bị mất, bà V có quyền làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy CNQSDĐ.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165 BLTTDS; Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung buộc ông L1 phải trả lại Giấy CNQSDĐ; không chấp nhận yêu cầu bổ sung buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T1 phải bồi thường cho nguyên đơn những chi phí cần thiết để làm các thủ tục xin cấp lại Giấy CNQSDĐ; nguyên đơn có quyền làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy CNQSDĐ và thông báo Giấy CNQSDĐ số AD 387066 của UBND huyện Cát Hải đã cấp ngày 19/12/2007 cho vợ chồng ông T3, bà V là không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà V vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu ông Lương Văn L1 phải trả lại cho bà Giấy CNQSDĐ và không có yêu cầu nào khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh C nhất trí với quan điểm của bà V và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ và người liên quan đến vụ án là người mang quốc tịch nước ngoài. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp "*Kiện đòi lại Giấy CNQSDĐ*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lương Văn L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyen David T1 (ông T1, ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T2), anh Lê Văn L2 vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 19/12/2007, UBND huyện Cát Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là CNQSDĐ) số AD 387066 đối với thửa đất số 07b, tờ bản đồ số 71, diện tích 63m² tại địa chỉ tổ 19, khu 4, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng mang tên ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị V.

Sau khi ông T3 (chồng bà V chết năm 2012, bà V (nguyên đơn) phát hiện bị mất bản chính Giấy CNQSDĐ nêu trên; ngày 27/9/2019, bà V làm đơn đề nghị UBND thị trấn Cát Bà, báo việc mất Giấy CNQSDĐ và UBND thị trấn Cát Bà (gọi tắt là Địa phương) ra thông báo về việc bà bị mất Giấy CNQSDĐ; ngày 17/10/2019, ông L1 (bị đơn) đến Địa phương trình bày: "*Bản chính Giấy CNQSDĐ trên, ông đang cầm giữ hộ ông T1, vì trước khi ông T1 bay về Mỹ đã đưa cho ông giữ hộ, lý do ông T1 được cầm bản chính Giấy CNQSDĐ là thông qua Giấy ủy quyền ngày 25/7/2006 với nội dung: ông T3, bà V ủy quyền toàn bộ cho ông T1, bà T4 được sử dụng căn nhà 02 tầng, diện tích 63m² và có xác nhận của UBND thị trấn Cát Bà*". Sau khi ông L1 trình bày, Địa phương mời bà V và ông L1 đến để giải quyết, tại đây bà V yêu cầu ông L1 trả lại Giấy CNQSDĐ nhưng ông L1 không trả lại, vì việc giữ hộ Giấy CNQSDĐ của ông là hợp pháp.

Bà V khởi kiện vụ án hành chính đối với bị đơn là UBND thị trấn Cát Bà. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Cát Hải giải quyết, ngày 13/01/2021, UBND thị trấn Cát Bà ra thông báo số 21/TB-UBND về việc hủy giá trị pháp lý đối với nội dung xác nhận giấy ủy quyền ngày 25/7/2006; ngày 26/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải ban hành Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đình chỉ giải quyết vụ án; tuy nhiên, sau thông báo của UBND thị trấn Cát Bà và quyết định của Tòa án nhân dân huyện nêu trên, ông L1 vẫn không trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ cho bà V. Vì vậy, bà V khởi kiện vụ án dân sự, đề nghị Tòa án buộc ông L1 phải trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ.

Quá trình giải quyết vụ án dân sự, bị đơn là ông L1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, vì bản chính Giấy CNQSDĐ trên ông đã trả lại cho ông T1 từ ngày 20/12/2021. Ngày 08/6/2022, ông Nguyen David T1 (Nguyễn Văn T1) là người liên quan trong vụ án, thừa nhận ông là người trực tiếp đang cầm bản chính Giấy CNQSDĐ số AD 387066 là do có việc vay nợ tiền giữa vợ chồng bà V với ông, nên ông mới cầm giữ bản chính giấy chứng nhận, kèm theo đó là văn bản ủy quyền ngày 25/7/2006, ông đồng ý sẽ trả lại Giấy CNQSDĐ khi bà V tự nguyện thanh toán cho ông số tiền mà vợ chồng bà V đã vay của ông là 60.000 USD, nếu bà V không tự nguyện trả thì ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đòi tiền; tuy nhiên, đến trước thời điểm mở phiên tòa, ông T1 thông báo bản chính Giấy CNQSDĐ trên đã bị mất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và các nội dung của vụ án được nêu ở, nên đủ cơ sở để xác định: Bản chính Giấy CNQSDĐ số AD 387066 chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 07b, tờ bản đồ số 71, diện tích 63m² tại địa chỉ tổ 19, khu 4, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải mà UBND huyện Cát Hải cấp ngày 19/12/2007 mang tên ông Lê Văn T3, bà Nguyễn Thị V là hợp pháp và phải được xác định là quyền khác về tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T3 và bà V.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V về việc đòi lại Giấy CNQSDĐ (đã bị người khác chiếm giữ) và buộc người chiếm giữ Giấy CNQSDĐ phải trả lại là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, đã làm rõ ông L1 đã trả lại Giấy CNQSDĐ cho ông T1, người chiếm giữ thực tế là ông T1 nhưng ông T1 hiện không còn lưu giữ Giấy CNQSDĐ do bị mất, do vậy yêu cầu khởi kiện của bà V đòi ông L1 trả lại Giấy CNQSDĐ là không có căn cứ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà V có quyền làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra thông báo Giấy CNQSDĐ số AD 387066 của UBND huyện Cát Hải đã cấp ngày 19/12/2007 cho vợ chồng ông T3, bà V là không còn giá trị pháp lý, do Giấy CNQSDĐ nêu trên bị mất và có quyền làm đơn đề nghị cấp lại Giấy CNQSDĐ.

Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và sau khi Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà V có đơn kiến nghị và bổ sung yêu cầu khởi kiện: "Yêu cầu Tòa án xác minh việc ông T1 có làm mất Giấy CNQSD đất của bà hay không, nếu ông T1 làm mất giấy thì ông T1 phải bồi thường thiệt hại cho bà các chi phí xin cấp lại Giấy CNQSD đất". Như vậy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà V là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà V).

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ông Lương Văn L1 phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AD 387066 do UBND huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/12/2007 cho ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị V.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà V có quyền làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra Thông báo Giấy CNQSDĐ số AD 387066 của UBND huyện Cát Hải đã cấp ngày 19/12/2007 cho vợ chồng ông T3, bà V là không còn giá trị pháp lý, do Giấy CNQSDĐ nêu trên bị mất và có quyền làm đơn đề nghị cấp lại Giấy CNQSDĐ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0009856 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà V, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm